

Số: **109** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **23** tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng**  
**thành phố Quảng Ngãi đến năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 29/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ - CP, ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về quản lý bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 49/2016/QĐ-TTg ngày 01/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý rừng sản xuất;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BNN ngày 14/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch Bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi tại Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 15/01/2018 và Báo cáo số 19/BC-UBND ngày 15/01/2018 ; ý kiến của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo thẩm định số 3978/BCTĐ-SNNPTNT ngày 29/12/2017,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2020, với các nội dung chủ yếu sau:

### **1. Mục tiêu, nhiệm vụ**

#### **a) Mục tiêu cụ thể**

Bảo vệ diện tích rừng hiện có và diện tích rừng phát triển mới bình quân mỗi năm là 697,03 ha. Hàng năm trồng và chăm sóc rừng tập trung khoảng 111,87 ha, gồm: trồng mới rừng 24,90 ha, trồng lại rừng sau khai thác 33,23 ha và trồng cây phân tán khoảng 53,75 ha; sản lượng gỗ khai thác hàng năm khoảng 2.326 m<sup>3</sup> gỗ rừng tập trung. Phấn đấu nâng tổng diện tích đất có rừng trong vùng quy hoạch lên đạt 796,61 ha vào cuối năm 2020, cùng với diện tích đất có rừng nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng và diện tích rừng trồng cây phân tán, nâng độ che phủ rừng trên địa bàn thành phố đạt 15% vào cuối năm 2020.

Đẩy mạnh trồng rừng nguyên liệu cây gỗ lớn bằng các hình thức chuyển hóa, trồng mới và trồng lại rừng. Phấn đấu đến năm 2020 có ít nhất từ 5 - 10% diện tích rừng trồng sản xuất là rừng trồng nguyên liệu cây gỗ lớn (tương đương với diện tích 30 – 50 ha) nhằm nâng cao giá trị gia tăng của rừng.

Xây dựng các đai rừng, tuyến rừng phòng hộ ven biển, phòng hộ bảo vệ đê vừa có tác dụng phòng hộ cảnh quan môi trường vừa có tác dụng làm lá chắn phòng thủ bờ biển, bảo vệ đê, bảo vệ các khu dân cư ven biển, bảo vệ mùa màng và đất sản xuất nông nghiệp, góp phần vào việc bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn thành phố.

#### **b) Nhiệm vụ**

##### **- Quản lý bảo vệ rừng:**

Quản lý bảo vệ toàn bộ diện tích đất có rừng, bao gồm rừng tự nhiên và rừng trồng của rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Trong giai đoạn 2017-2020 khoán bảo vệ rừng 2.788,12 lượt ha, bình quân 697,03 ha/năm.

##### **- Phát triển rừng:**

+ Trồng mới rừng: 99,58 ha, gồm trồng mới rừng phòng hộ 52 ha (phòng hộ chắn cát ven biển 9,73 ha, phòng hộ cảnh quan môi trường 4,12 ha và phòng hộ chắn sóng bảo vệ đê 38,15 ha); trồng mới, chăm sóc rừng sản xuất 47,58 ha.

+ Trồng lại rừng sau khai thác rừng trồng sản xuất: 132,9 ha.

+ Trồng cây phân tán: 215.000 cây (tương đương với diện tích quy đổi 215 ha).

- Khai thác rừng: Chủ yếu là khai thác rừng trồng sản xuất, tổng diện tích khai thác là 132,90 ha, bình quân 33,23 ha/năm. Sản lượng khai thác khoảng 9.303 m<sup>3</sup>, bình quân 2.326 m<sup>3</sup>/năm.

## **2. Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng**

### **a) Bảo vệ rừng (trong đó có hỗ trợ khoán bảo vệ rừng)**

Diện tích bảo vệ rừng giai đoạn 2017-2020 là 2.788,12 lượt ha, bình quân là 697,03 ha/năm.

+ Rừng phòng hộ: 306,56 lượt ha, bình quân 76,64 ha/năm.

+ Rừng sản xuất: 2.481,56 lượt ha, bình quân 620,39 ha/năm.

### **b) Phát triển rừng**

- Trồng rừng phòng hộ: 52,0 ha (trồng mới 52,0 ha), gồm:

Phòng hộ chắn cát ven biển: 9,73 ha; phòng hộ cảnh quan môi trường: 4,12 ha; phòng hộ chắn sóng bảo vệ đê: 38,15 ha.

- Trồng rừng sản xuất: 179,48 ha, gồm:

Trồng mới và chăm sóc rừng sản xuất: 47,58 ha; trồng lại rừng sau khai thác rừng trồng: 132,90 ha.

- Trồng cây phân tán: Tổng số cây trồng phân tán cho cả giai đoạn từ 2017 – 2020 khoảng 215.000 cây, tương đương với diện tích 215 ha quy đổi (1.000 cây/ha).

### **c) Khai thác gỗ rừng trồng sản xuất**

- Diện tích khai thác gỗ trong quy hoạch đất lâm nghiệp là 132,90 ha (bình quân 33,23 ha/năm).

- Sản lượng khai thác trong quy hoạch lâm nghiệp là 9.303 m<sup>3</sup> (bình quân 2.326 m<sup>3</sup>/năm).

### **d) Chế biến gỗ**

Mạng lưới chế biến gỗ, lâm sản và sản lượng chế biến hàng năm trên địa bàn thành phố thực hiện theo Quy hoạch chế biến gỗ gắn với vùng nguyên liệu tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 10/7/2017.

### **e) Các hoạt động khác**

- Xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp: sửa chữa đường lâm nghiệp với chiều dài 1,4 km.

- Mua sắm, xây dựng các công trình lâm sinh khác: Máy bơm cao áp: 06 cái; Loa tuyên truyền: 01 bộ; Máy thổi gió: 06 cái; Xây dựng chòi canh lửa rừng: 02 chòi; Xây dựng Bảng cấp dự báo cháy rừng: 06 bảng; Xây dựng bảng quy ước BVR: 06 bảng.

## **3. Tổng hợp vốn đầu tư và hiệu quả**

a) Tổng hợp đầu tư: Tổng vốn đầu tư: 25.440,2 triệu đồng.

- Bảo vệ rừng: 1.394,06 triệu đồng;

- Phát triển rừng: 20.917,7 triệu đồng;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng: 2.896 triệu đồng;
- Xây dựng quy hoạch và quản lý dự án: 232,44 triệu đồng.

**b) Theo nguồn vốn**

- Vốn ngân sách: 17.228,38 triệu đồng

Vốn ngân sách bao gồm: bao gồm ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, được đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp.

- Vốn vay tín dụng: 2.887,68 triệu đồng

Đây là nguồn vốn được huy động vay từ ngân hàng với lãi suất ưu đãi để đầu tư cho phát triển rừng sản xuất của tổ chức, hộ gia đình.

- Vốn tự đầu tư: 5.324,14 triệu đồng

Đây là nguồn tự có của các chủ rừng, cộng đồng, hộ gia đình cá nhân tự đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trồng sản xuất khi nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước còn hạn chế.

**c) Hiệu quả**

- Hiệu quả kinh tế: Thông qua khoán quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng, chăm sóc rừng, tham gia ngày công lao động trong chế biến lâm sản, xây dựng công trình hạ tầng lâm nghiệp và các chính sách hỗ trợ trong sản xuất lâm nghiệp của Nhà nước, từng bước tạo nguồn thu nhập ổn định cho các hộ gia đình tham gia sản xuất lâm nghiệp, nâng cao đời sống. Bình quân hàng năm có khoảng 1.760 lao động tham gia nghề rừng có thu nhập qua công lao động khoảng 42 triệu đồng/năm/người (áp dụng hệ số lương bình quân lao động nghề rừng 2,34 và mức lương cơ bản tối thiểu chung 1.300.000 đồng/tháng).

- Hiệu quả về môi trường: Góp phần bảo tồn hệ sinh thái rừng, cải thiện môi trường cảnh quan đô thị, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; nâng tỷ lệ độ che phủ của rừng lên 15 % vào năm 2020; hạn chế thiên tai, bảo vệ các khu dân cư ven biển, đất sản xuất nông nghiệp và các công trình hạ tầng trọng điểm của tỉnh...

- Hiệu quả về xã hội, an ninh quốc phòng:

+ Góp phần giải quyết việc làm cho gần 1.760 lao động/năm ở vùng nông thôn, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống người dân.

+ Góp phần xây dựng vùng dân cư kinh tế ổn định, xây dựng vùng nông thôn mới phù hợp với điều kiện sản xuất mới.

+ Góp phần hạn chế tình trạng chặt phá rừng phát nương, làm rẫy, ổn định dân cư, giữ vững trật tự an ninh - chính trị và chủ quyền quốc gia.

**4. Giải pháp thực hiện**

**a) Về tổ chức quản lý và tổ chức sản xuất**

a1) Về tổ chức quản lý: Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý lâm nghiệp từ cấp thành phố xuống các địa phương cơ sở như: Phòng Kinh tế; Hạt Kiểm lâm liên huyện; các đơn vị có liên quan: Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Trạm Khuyến nông và Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững thành phố Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020. Đối với cấp xã: Kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững xã, phường giai đoạn 2016-2020 giúp cho UBND xã, phường thực hiện các chức năng về quản lý Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng.

#### a2) Tổ chức sản xuất

Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững thành phố Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, thông qua phòng Kinh tế thành phố tiếp nhận nguồn vốn hỗ trợ và thực hiện nhiệm vụ triển khai, chỉ đạo, tổ chức sản xuất ở cơ sở theo chỉ tiêu kế hoạch hàng năm của cấp có thẩm quyền về các nội dung: Bảo vệ rừng, trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, PCCCR.

Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý nhà nước về lĩnh vực lâm nghiệp, trong đó tập trung vào một số nội dung: Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường kiểm tra, quản lý nghiêm ngặt việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về danh mục các loại giống mới, lợi ích của việc sử dụng giống mới, giống có chất lượng để nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng; làm tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật, giáo dục pháp luật; tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng.

#### a3) Quản lý về quy hoạch, kế hoạch và quản lý ngành

- Tổ chức kiểm tra, rà soát đất lâm nghiệp bị lấn chiếm trái phép (đối với những diện tích rừng và đất lâm nghiệp đang tạm giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phường quản lý) và những diện tích đã giao cho người dân nhưng sử dụng không đúng mục đích tại các địa phương để có kế hoạch thu hồi, giao Ủy ban nhân dân cấp xã, phường quản lý và lập phương án giao lại cho các đối tượng chính sách tại địa phương sử dụng vào mục đích bảo vệ và phát triển rừng theo quy định của pháp luật; xác định lâm phận rừng ổn định và cắm mốc ranh giới trên thực địa.

- Tiến hành thống kê, kiểm kê và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng gắn với thống kê, kiểm kê đất đai. Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên rừng, áp dụng công nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng điều tra quy hoạch rừng;

- Gắn quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Phải coi đây là quy hoạch liên ngành cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành: nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường.

- Tăng cường sự hỗ trợ và phối hợp thường xuyên của lực lượng công an, quân sự với lực lượng kiểm lâm theo một cơ chế thống nhất trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; đặc biệt là trong việc rà soát, xử lý dứt điểm các vụ án hình sự tòn đố trong lĩnh vực bảo vệ rừng;

- Thành lập các tổ chuyên trách bảo vệ rừng cấp xã, trên cơ sở sử dụng và nâng cao vai trò, trách nhiệm của lực lượng dân quân, lực lượng công an

xã trong quản lý bảo vệ rừng.

- Xây dựng và thực hiện quy ước của thôn về bảo vệ và phát triển rừng làm cho cộng đồng biết rõ được trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia bảo vệ rừng cộng đồng trước mắt cũng như lâu dài...

- Các dự án lâm nghiệp khi xây dựng và đầu tư trên địa bàn phải lồng ghép với chương trình, dự án xoá đói, giảm nghèo, phát triển nông nghiệp và nông thôn để sử dụng các nguồn vốn có hiệu quả hơn.

- Tăng cường công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng;

- Chú trọng phát triển hình thức sản xuất lâm nghiệp hộ gia đình, phát triển kinh tế vườn rừng, vườn đồi, đẩy mạnh trồng rừng cây nguyên liệu gỗ lớn, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nông lâm kết hợp nhằm sử dụng có hiệu quả đất rừng, góp phần tăng thu nhập cho người dân trong vùng;

#### b) Giao đất, giao rừng

- Thiết lập lâm phần các loại rừng trên địa bàn thành phố ổn định và cắm mốc ranh giới trên thực địa;

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác giao đất, giao rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khoán bảo vệ rừng cho tổ chức, tập thể, cộng đồng, hộ gia đình sử dụng cho mục đích lâm nghiệp lâu dài ổn định để bảo vệ và phát triển rừng.

- Tạo điều kiện cho chủ rừng thực hiện quyền sử dụng đất, sử dụng và sở hữu rừng theo quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy luật của nền sản xuất hàng hoá làm cho rừng thực sự trở thành hàng hoá, thành nguồn vốn phát triển lâm nghiệp.

#### c) Về khoa học, công nghệ và khuyến lâm

##### c1) Đối với rừng chắn gió, chắn cát

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu về giống cây trồng đã được công nhận, cần tiếp tục thử nghiệm, mở rộng trên các điều kiện lập địa khác nhau, như đai rừng phòng hộ ven biển trồng Phi lao, Phi lao Trung Quốc 601,701, các loài Keo lá tràm, Keo lá liềm, Keo tai tượng và một số loài cây bản địa khác.

- Nghiên cứu các kỹ thuật lâm sinh và hoàn thiện quy trình trồng rừng trên các dạng lập địa khác nhau như: Cồn cát, cát nội đồng, cát ven biển, đất đồi ven biển...

- Vận dụng các kết quả xây dựng mô hình đã có trên địa bàn tỉnh như: Mô hình phòng hộ ven biển của Dự án PASCA trên địa bàn huyện Đức Phổ, mô hình trồng rừng phòng hộ kết hợp sản xuất, mô hình rừng phòng hộ kết hợp với du lịch, mô hình trang trại nông - lâm - ngư nghiệp,... để áp dụng vào các điều kiện cụ thể của địa phương có hiệu quả.

##### c2) Đối với rừng chắn sóng bảo vệ đê

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và

hoàn thiện các hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng ngập mặn trên các dạng lập địa khác nhau của thành phố như:

- Trồng rừng ngập mặn trên các dải bãi bồi, đầm lầy;
- Trồng rừng ngập mặn trong các khoảng trống hoặc trồng dặm bổ sung;
- Trồng rừng ngập mặn trên các dạng lập địa khó khăn (ngập triều sâu, ngập triều cao);
- Trồng rừng trên các vùng đặc biệt khó khăn (xói lở bờ biển, sóng lớn,...).

c3) Tăng cường đầu tư nghiên cứu khoa học về bảo vệ và phát triển rừng theo các nội dung chủ yếu

- Biện pháp kỹ thuật trồng rừng, chọn loài cây trồng trên các điều kiện lập địa khó khăn, đặc biệt ở những nơi bờ biển bị xói lở và cát di động.

- Nghiên cứu các loài cây trồng bản địa cho rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát, rừng cảnh quan môi trường nhằm đưa ra được tập đoàn cây trồng bản địa phù hợp có khả năng chịu hạn, chống chịu được bão lớn, phù hợp với địa hình đồi núi.

- Phương thức canh tác lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp dưới tán rừng để hỗ trợ kinh tế của các hộ gia đình, cộng đồng dân cư tham gia nghề rừng.

- Nghiên cứu xây dựng những mô hình trình diễn về kinh doanh rừng có hiệu quả cao. Coi đây là giải pháp khoa học công nghệ hiệu quả để khích lệ người dân hướng vào bảo vệ và phát triển rừng;

- Xây dựng các mô hình thực nghiệm để tuyển chọn các giống cây trồng rừng thích nghi trên các dạng lập địa theo từng mục đích gây trồng, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong tạo giống như giâm hom, nuôi cây mô và kinh nghiệm sản xuất cây giống bản địa trong nhân dân để sản xuất giống có chất lượng cao.

- Quy hoạch lại mạng lưới cung ứng giống trên địa bàn đáp ứng yêu cầu của kế hoạch phát triển rừng trong từng giai đoạn đồng thời thực hiện nghiêm túc quy chế quản lý giống lâm nghiệp. Xây dựng nguồn giống để cung cấp đủ cây con có chất lượng cho trồng rừng.

- Cải tiến thiết bị, công nghệ chế biến lâm sản phù hợp nhằm nâng cao tỷ lệ lợi dụng gỗ, đa dạng hóa sản phẩm, hạ giá thành, nâng cao chất lượng nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý, công nghệ thông tin trong quản lý, dự báo, đánh giá, theo dõi diễn biến rừng, quản lý và dự báo cháy rừng, phòng chống sâu bệnh hại rừng...

d) Giải pháp về vận dụng hệ thống chính sách

d1) Chính sách đất đai

- Rà soát có giải pháp thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân sử dụng diện

tích thuộc hành lang an toàn bảo vệ đê biển hoặc diện tích đất đã giao thuộc quy hoạch phát triển lâm nghiệp nhưng sử dụng không đúng mục đích để trồng lại rừng.

- Thực hiện tốt công tác giao đất, giao rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khoán bảo vệ rừng cho tổ chức, tập thể, cộng đồng, hộ gia đình sử dụng cho mục đích lâm nghiệp lâu dài ổn định để bảo vệ và phát triển rừng.

- Quy hoạch và phát triển rừng gắn với quy hoạch sử dụng đất đai trên địa bàn thành phố đến năm 2020 nhằm bảo đảm ổn định lâu dài, xác định rõ trên bản đồ và ngoài thực địa; quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất rừng sang mục đích khác.

- Khuyến khích các hình thức liên kết với hộ dân để phát triển rừng, đặc biệt đối với hệ thống rừng phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ chắn sóng bảo vệ đê kết hợp với nuôi trồng thủy sản, nông lâm kết hợp, du lịch sinh thái....

#### d2) Chính sách quản lý rừng

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Luật Bảo vệ và phát triển rừng và Nghị định 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. Nghị định 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về quản lý bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phân định rõ ràng phạm vi ranh giới quản lý của các chủ rừng trên thực địa bằng việc xây dựng hệ thống mốc quản lý. Xác lập cụ thể quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ rừng.

#### d3) Chính sách đầu tư

- Thực hiện chính sách ưu đãi về thuế trong việc đầu tư vào trồng rừng, bảo vệ rừng và chế biến lâm sản trên địa bàn. Tạo cơ chế thuận lợi và hấp dẫn để thu hút khuyến khích các tổ chức kinh tế Nhà nước, các đơn vị lực lượng vũ trang, các tổ chức đoàn thể, hộ gia đình, cá nhân tham gia đầu tư phát triển lâm nghiệp.

- Khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết (đầu tư, bảo hộ, bao tiêu sản phẩm) giữa doanh nghiệp chế biến với người trồng rừng, theo cơ chế cùng đầu tư, cùng hưởng lợi với tỷ lệ ăn chia hợp lý.

#### đ) Giải pháp về vốn

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn, các chương trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn; thu hút nguồn vốn từ các tổ chức và các thành phần kinh tế đầu tư lĩnh vực lâm nghiệp để đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu của quy hoạch đã đề ra.

- Nhà nước cần tăng ngân sách đầu tư cho quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên, nghiên cứu khoa học, khuyến lâm và đầu tư thích đáng cho xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp;

- Nguồn vốn vay, tín dụng, nguồn vốn tự có của các doanh nghiệp, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn tập trung cho bảo vệ và phát triển rừng sản xuất;



cho khai thác chế biến tiêu thụ lâm sản. Các hoạt động mang tính chất sản xuất kinh doanh rừng.

**e) Về phát triển nguồn nhân lực**

- Bổ sung cán bộ quản lý, chuyên môn kỹ thuật phù hợp với tình hình thực tiễn, đặc biệt chú ý đào tạo, bồi dưỡng lực lượng cán bộ chuyên môn quản lý lâm nghiệp;

- Chú trọng các hoạt động đào tạo và khuyến lâm cho người nghèo và phụ nữ, để họ có đủ năng lực thực hiện đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi và tạo thu nhập ổn định;

- Nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý, các doanh nghiệp, cộng đồng và hộ gia đình làm nghề rừng thông qua đào tạo tại chỗ, ngắn hạn và khuyến lâm;

- Tăng cường đào tạo cán bộ, công nhân lành nghề cho các doanh nghiệp sản xuất, chế biến lâm sản, trang trại lâm nghiệp và các làng nghề thủ công;

- Xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn trên cơ sở đào tạo theo chuyên đề, ưu tiên đào tạo nông dân làm nghề rừng, công nhân lâm nghiệp và thợ thủ công trong các làng nghề.

**5. Danh mục các Chương trình, dự án ưu tiên**

Dự án đầu tư, hỗ trợ bảo vệ rừng và phát triển rừng phòng hộ các xã ven biển tỉnh Quảng Ngãi.

Dự án trồng rừng ngập mặn bảo vệ đê kè Hòa Hà

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi tổ chức công bố quy hoạch, bàn giao sản phẩm quy hoạch và thực hiện quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng theo đúng các quy định của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Hạt Kiểm lâm liên huyện Sơn Tịnh - Thành phố Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak94.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tăng Bình